TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **68**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 02-8-2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Trần Phương Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Tuấn Anh

2. Ông Nguyễn Hoàng Phúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Huỳnh Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 343/2023/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2023 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2023/QĐXX-ST ngày 13 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Hồ Chí A; sinh năm 1971; nơi cư trú: số X, ấp P, xã Đ, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1974; nơi cư trú: số Y, khu phố ấp V, thị trấn (xã) T, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre

Anh A và chị B vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các biên bản làm việc trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn anh Hồ Chí A trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị B kết hôn trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn năm 1996 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Sau khi cưới chị B thì cuộc sống vợ chồng có hạnh phúc cho đến đầu năm 2020 thì mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng xảy ra ngày càng nhiều, vợ chồng thường hay cự cải lẫn nhau do chị B cờ bạc, bất đồng quan điểm trong sinh hoạt hàng ngày, chị B đã về nhà mẹ ruột sinh sống từ đó cho đến nay. Nay anh nhận thấy hạnh phúc và tình thương giữa vợ chồng không còn, nên anh yêu cầu xin được ly hôn với chị Nguyễn Thị B. Anh A không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau khi ly hôn.

Về con chung: có 02 con chung tên Hồ Chí Anh K, sinh năm 1991 và Hồ Chí Anh L, sinh năm 1995. Hiện tại hai cháu đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị B trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải theo đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng chị B đều vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến hay yêu cầu của chị B.

Tại phiên tòa sơ thẩm Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến: Về tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký đã tuân thủ theo quy định của pháp luật. Đối với những người tham gia tố tung: nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Anh A có yêu cầu ly hôn, chị B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng chị B không đến Tòa án thể hiện chị B không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng nên có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa anh A và chị B đã trầm trọng, hôn nhân có kéo dài cũng không hạnh phúc nên đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh A. Anh A không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau khi ly hôn nên ghi nhận. Về con chung: có 02 con chung tên Hồ Chí Anh K, sinh năm 1991 và Hồ Chí Anh L, sinh năm 1995. Hiện hai cháu đã trưởng thành nên không xét đến. Về tài sản chung và nợ chung, anh A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: anh Hồ Chí A có đơn khởi kiện chị Nguyễn Thị B tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre để yêu cầu giải quyết về việc xin ly hôn. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Bị đơn chị Nguyễn Thị B có nơi cư trú tại thị trấn (xã) T, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Anh A có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; Chị Nguyễn Thị B được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để đưa vụ án ra xét xử nhưng chị B vẫn vắng mặt, căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Anh A và chị B chung sống với nhau vào năm 1996 trên tinh thần tự nguyện có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 01/9/1996 là phù

hợp với quy định của pháp luật nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa anh A và chị B có hạnh phúc, nhưng đến năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân theo anh A trình bày là do chị B cờ bạc nên hai vợ chồng thường xuyên bất hòa cự cải lẫn nhau, không cùng quan điểm trong cuộc sống, anh A xác định không còn tình cảm với chị B nên anh A yêu cầu xin được ly hôn với chị B.

Qua quá trình xác minh thể hiện giữa hai vợ chồng anh A và chị B có xảy ra mâu thuẫn là đúng và hiện nay anh A và chị B đã không còn tình cảm với nhau, hai vợ chồng cũng đã sống ly thân từ đầu năm 2020 cho đến nay, chị B đã về nhà mẹ ruột ở. Thời gian sống ly thân thì anh A và chị B cũng không còn liên lạc qua lại để hàn gắn tình cảm, anh A nộp đơn xin ly hôn tại Toà án, Toà án cũng đã nhiều lần mời chị B tham gia phiên hoà giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị B vắng mặt thể hiện chị B cũng không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với anh A. Điều đó chứng tỏ rằng tình trạng hôn nhân của anh A và chị B đã có mâu thuẫn trầm trọng, tình thương đã không còn, mục đích hôn nhân của anh A và chị B không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh A là hoàn toàn phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình quy định. Anh A không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau khi ly hôn nên ghi nhận.

[3] Về con chung: có 02 con chung tên Hồ Chí Anh K, sinh năm 1991 và Hồ Chí Anh L, sinh năm 1995. Hiện hai con chung đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: anh A khai không có, nên Tòa án không xét đến.

[5] Về án phí: Anh A phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

[6] Từ những nhận định nêu trên, xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 25, 35, 39, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hồ Chí A đối với chị Nguyễn Thị B.

1.1. Về hôn nhân: Cho anh Hồ Chí A ly hôn với chị Nguyễn Thị B.

Ghi nhận anh A không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau khi ly hôn.

1.2. Về con chung: có 02 con chung tên Hồ Chí Anh K, sinh năm 1991 và Hồ Chí Anh L, sinh năm 1995. Hiện hai con chung đã trưởng thành nên Tòa án không xét đến.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh A khai không có nên Tòa án không xem xét.

2. Về án phí: anh A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0003857 ngày 06/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Anh A đã nộp đủ án phí.

3. Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Phòng GĐKT TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã Đ, CT-BT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký tên và đóng dấu)

Lê Trần Phương Thảo